

Số: 426/QĐ-STNMT

Sơn La, ngày 11 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành hệ thống tài liệu Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn
TCVN ISO 9001:2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và bổ sung cách thức thực hiện thủ tục hành chính nộp hồ sơ trực tuyến thuộc lĩnh vực môi trường và lĩnh vực đo đạc bản đồ tại Quyết định 497/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính (Lĩnh vực bảo vệ môi trường) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

Theo đề nghị của Ban ISO và Đại diện lãnh đạo về chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành hệ thống tài liệu của HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La bao gồm 01 Sổ tay chất lượng, 05 quy trình chung và 46 quy trình (có danh sách kèm theo) ứng với 74 thủ tục ban hành kèm Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 16/3/2020, Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 28/5/2020, Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh Sơn La, nhằm mục đích kiểm soát chất lượng các hoạt động thuộc phạm vi áp dụng HTQLCL do Sở Tài nguyên và Môi trường hoạch định.

Điều 2. Các văn bản, quy trình này được thống nhất áp dụng trong toàn Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban chỉ đạo ISO, các cán bộ, công chức của các bộ phận chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.

Handwritten mark

GIÁM ĐỐC

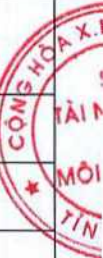


Handwritten signature

Nguyễn Đức Lực

DANH MỤC
TÀI LIỆU CỦA HỆ THỐNG QLCL THEO TCVN ISO 9001:2015
(Kèm theo Quyết định số: 426/QĐ-STNMT ngày 11/12/2020
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La)

TT	TÊN TÀI LIỆU	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
I	MTCL, CSCL		
1	Chính sách chất lượng	CSCL	
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	
3	Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng	KHMTCL	
4	Sổ tay chất lượng	STCL	
II	QUY TRÌNH CHUNG		
1	Hướng dẫn Kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.ISO.01	
2	Hướng dẫn Quản lý rủi ro và cơ hội	HD.ISO.04	
3	Hướng dẫn Đánh giá nội bộ	HD.ISO.02	
4	Hướng dẫn Kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.ISO.03	
5	Hướng dẫn thực hiện xem xét của lãnh đạo	HD.ISO.05	
III	QUY TRÌNH		
1	Quy trình Kiểm soát văn bản đi-đến	QT-VP-07	
2	Quy trình Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	QT-VP-08	
3	Quy trình Thanh tra	QT-TTr-09	
4	Quy trình Tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	QT-TTr-10	
5	Quy trình Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	QT-ĐĐ-11	
6	Quy trình Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01/07/2004	QT-ĐĐ-12	
7	Quy trình Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện đầu tư đối với tổ chức,	QT-ĐĐ-13	



	<p> cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>		
8	<p> Quy trình Giao đất, cho thuê đất mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	QT-ĐĐ-14	
9	<p> Quy trình Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p>	QT-ĐĐ-15	
10	<p> Quy trình Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu, đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý</p>	QT-ĐĐ-16	
11	<p> Quy trình Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu</p>	QT-ĐĐ-17	
12	<p> Quy trình Đăng ký, đăng ký thay đổi, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p>	QT-ĐĐ-18	
13	<p> Quy trình Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền quyết định của Văn phòng Đăng ký đất đai</p>	QT-ĐĐ-19	
14	<p> Quy trình Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền quyết định của Sở Tài nguyên và Môi trường</p>	QT-ĐĐ-20	
15	<p> Quy trình Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh</p>	QT-ĐĐ-21	
16	<p> Quy trình Tách thửa hoặc hợp thửa đất</p>	QT-ĐĐ-22	
17	<p> Quy trình Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo, đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế</p>	QT-ĐĐ-23	
18	<p> Quy trình Cấp đổi, cấp lại, đính chính, thu hồi Giấy chứng nhận</p>	QT-ĐĐ-24	
19	<p> Quy trình Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</p>	QT-ĐĐ-25	
20	<p> Quy trình Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được</p>	QT-ĐĐ-26	

C. A
 Ở
 GUY
 VÀ
 TRUC
 SO

	cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		
21	Quy trình Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QT-ĐĐ-27	
22	Quy trình Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	QT-ĐĐ-28	
23	Quy trình Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	QT-ĐĐ-29	
24	Quy trình Thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường	QT-MT-30	
25	Quy trình Cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án	QT-MT-31	
26	Quy trình Xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường (Các dự án thuộc Phụ lục 5.1 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT)	QT-MT-32	
27	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, Phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	QT-MT-33	
28	Quy trình Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản	QT-MT-34	
29	Quy trình Cấp, cấp lại sổ đăng ký chủ nguồn thải	QT-MT-35	
30	Quy trình Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	QT-MT-36	
31	Quy trình Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QT-MT-37	
32	Quy trình Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	QT-MT-38	
33	Quy trình Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; Cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	QT-KS-39	
34	Quy trình Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi	QT-KS-40	

	thông luồng lạch		
35	Quy trình Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	QT-KS-41	
36	Quy trình Đấu giá quyền khai thác khoáng sản	QT-KS-42	
37	Quy trình Cấp, gia hạn, trả lại giấy phép, trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	QT-KS-43	
38	Quy trình Gia hạn, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	QT-KS-44	
39	Quy trình Phê duyệt trữ lượng khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản	QT-KS-45	
40	Quy trình Cấp, gia hạn, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	QT-KS-46	
41	Quy trình Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)	QT-KS-47	
42	Quy trình Cấp, gia hạn, điều chỉnh Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT-TNN-48	
43	Quy trình Thẩm định hồ sơ Cấp, gia hạn, điều chỉnh Giấy phép tài nguyên nước	QT-TNN-49	
44	Quy trình Cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	QT-TKTV-50	
45	Quy trình Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	QT-BĐ-51	
46	Quy trình Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ	QT-BĐ-52	